

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12/01/2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thủy

Ông Tạ Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị U, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu vực 1, phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Dương Thanh C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu vực 1, phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

Nguyên đơn bà Trần Thị U có mặt, bị đơn ông Dương Thanh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn bà Trần Thị U trình bày: Bà và ông Dương Thanh C sau thời gian tìm hiểu và quen biết nhau thì hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào ngày 20/01/2006. Thời gian đầu chung sống

hạnh phúc, nhưng từ năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, cuộc sống chung không còn hòa hợp. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Thanh C.

Về con chung: Có 02 con chung: tên Dương Duy K, sinh ngày 15/09/2006 (giới tính nam) và Dương Thị Khánh D, sinh ngày 16/01/2008 (giới tính nữ). Hiện nay, hai con chung do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Dương Thanh C: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho ông C theo quy định pháp luật. Nhưng ông C không đến Tòa án để thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Tại bản tự ghi ý kiến của hai con chung cháu Dương Duy K và Dương Thị Khánh D thể hiện: Hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ (bà Trần Thị U) sau khi cha mẹ ly hôn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông C và yêu cầu được nuôi hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; ngoài ra, không còn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Bị đơn ông C vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị U khởi kiện ông Dương Thanh C, bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông C ly hôn và nuôi con, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Dương Thanh C hiện có nơi cư trú khu vực 1, phường VII, thành phố Vị Thanh nên vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Dương Thanh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông C vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị U và ông Dương Thanh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VII, thành phố V đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của bà U và ông C có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, bà U cho rằng do vợ chồng không đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự

cãi với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Còn bị đơn ông C, sau khi Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C, ông C biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của bà U, nhưng ông C không đến Tòa án thể hiện ý kiến, cũng như để Tòa án tiến hành hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân. Cho thấy, ông C đã bỏ mặt cuộc hôn nhân này và tại phiên tòa, bà U kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa bà U và ông C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho bà U ly hôn ông C là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 Luật của hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung: tên Dương Duy K, sinh ngày 15/09/2006 (giới tính nam) và Dương Thị Khánh D, sinh ngày 16/01/2008 (giới tính nữ). Tại bản tự thể hiện ý kiến của cháu K và cháu D đều có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét, về điều kiện nuôi con của bà U là đảm bảo, bà U có nhà ở và có thu nhập ổn định; từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà U đã chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho hai con đều phát triển tốt. Do đó, Tòa án quyết định giao hai con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà U không yêu cầu, nên ông C chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà U khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà U phải chịu 300.000 đồng, căn cứ quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị U được ly hôn với ông Dương Thanh C.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Dương Duy K, sinh ngày 15/09/2006 (giới tính nam) và tên Dương Thị Khánh D, sinh ngày 16/01/2008 (giới tính nữ) cho bà Trần Thị U trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Dương Thanh C, không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Dương Thanh C chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà Trần Thị U không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị U khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003245 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

5. Nguyên đơn bà Trần Thị U có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Dương Thanh C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Vị Thanh;
- Cơ quan THADS TP. Vị Thanh;
- UBND phường VII, tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương